

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

VÃNG SANH TỊNH ĐỘ
QUYẾT NGHỊ HÀNH
NGUYỆN NHỊ MÔN

SỐ 1968

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1968

VĂNG SINH TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI HẠNH NGUYỆN NHỊ MÔN

Đời Tống, Sa-môn Tuân Thức ở Kỳ sơn soạn.

Chỉ có An dưỡng Bảo sát (Cực lạc) là nơi mà Thế Tôn ngợi khen, ba căn cùng lên đến. Chiều thác thai trong hoa sen, chư tử vẫn thẹn vì mình quá nhỏ bé; sáng dạo chơi bên hồ Ngọc, mới hay cõi Phật rộng vô cùng, vì thế mà mười phương cùng về, bốn loài cùng đến. Dù có cưỡi trên ánh hào quang mà bày khắp, thì cuối cùng phải cúi đầu mà riêng cầu. Thế nên từ xưa đến nay, Tây thiên có những bậc cao Hiền chí Thánh chẳng tiếc văn từ lập bao lời thệ (Những vị Thánh hiền như Văn-thù, Phổ Hiền, Thiên Thân, Long Thọ, có người vì chuyên dịch nguyện văn, có người chuyên tạo kinh Luận, thế chưa đủ sao!); Đông Độ có bao kẻ tài đức danh nho không tiếc văn chương lập bao lời nguyện (Trước thì từ đời Tấn có Lưu Lô v.v... cả thấy mười tám người trong Đông Lâm Liên xã, gần dân một trăm hai mươi ba người cùng thệ nguyện, như Di Dân, di chúc rằng sau này có bao kẻ sĩ trong cả nước, những bậc danh Tăng khắp Thiên lâm, những kẻ tục tịnh tâm khiết chí). Từ đây cứ liên tục có biết bao kẻ hồi hướng, kẻ xướng người họa nối nhau không dứt. Thật là con đường chung của đạo đức, là phương pháp cứu tế thẳng tắt thường lạc.

Chỉ tiếc rằng phần đông Tăng tục trong đời do chưa thấu hiểu tường tận đầu đuôi, chợt gặp người thưa hỏi căn nguyên mà chẳng biết hổ thẹn, chẳng biết mình là kẻ gá nương, lạm dụng. Hoặc có người vung tay chê là kẻ Tiểu giáo, hoặc có kẻ mỉa mai cho đó là Quyền thừa. Những thứ kiến giải ấy đã trái ngược kinh điển mà còn làm cho người

ta nghi ngờ kinh điển. Ở trong nhà mình mà phát ngôn những lời chẳng thiện, vốn đã trái ngược với muôn sự ngoài ngàn dặm, huống gì là xa hơn thế nữa.

Vì lý do đó, tôi bèn trước thuật Vãng sinh Tịnh độ quyết nghị hạnh nguyện nhị môn. Tuy ngôn từ không được hoa mỹ nhưng nghĩa lý rất thích đáng, khiến cho người đọc nhìn vào liền phân biệt được đâu là đậu, đâu là lúa, nhận biết được đâu là nước sông Kinh đâu là nước sông Vị, cắt bỏ rừng Y lan hôi thối, vun trồng nhánh Chiên-đàn thơm đẹp. Tín Hạnh-Nguyện vốn vô thỉ vô chung, thì mấy ngàn lời đâu thể diễn tả hết được.

Môn thứ nhất: QUYẾT NGHỊ

Nghi ngờ làm chướng ngại lòng tin. Một khi có tâm nghi ngờ thì việc thiện nhỏ của thế gian đã không thể thành tựu, huống gì là nói đến Đại đạo Bồ-đề.

Có người hỏi rằng: Thiên Thai Trí Giả đã giải thích Thập Nghi Luận rồi, thì cần gì đến phần quyết nghị này nữa?

Thế nhưng phần này tóm lược có ba ý:

1. Để cho vua quan đại thần có tâm tin ưa tu tập, nhưng do vì công việc bề bộn, ít có thời gian rảnh rỗi, khó đọc hết những áng văn quá dài, do đó nay tôi chỉ nêu ra những phần chính yếu và lược nếu hành tướng, để những người ấy dễ dàng đọc và nắm bắt.

2. Trong Thập Nghi luận phần nhiều chỉ hỏi đáp về phân sự. Chỉ trong câu hỏi thứ hai, thứ ba mới phụ sơ vào phần lý. Hơn nữa sự vốn đã vô tận thì nghi cũng vô cùng. Còn nay chỉ riêng nêu bày nhất lý là cội nguồn của vạn pháp. Chỉ được cội nguồn thì tất biết được dòng chảy.

3. Chính là để cho những kẻ trái với kinh, nghịch chánh lý, tự làm hại mình, tổn hại người khác nhận chân được chánh lý. Vì vậy trong phần quyết nghị Pháp thứ hai đã bỏ Tiểu thừa lấy Đại thừa, phân biệt rõ Quyền giáo Thật giáo để khiến cho hậu lai chẳng còn nghi hoặc.

Đến những bộ luận như: Vãng Sinh luận của Hòa thượng Đạo An, Quần Nghi luận của Pháp sư Hoài Cảm, An Lạc tập của Thiền sư Đạo Xước, Tịnh độ Từ Bi tập của Tam tạng Từ Bi Mẫn, Tịnh độ tập của Thiền sư Nguyên Tín... đủ thấy rằng chư tổ từ xưa đến nay đều quy tâm về Tịnh độ. Trong đó có vị tạo số, chú giải kinh, có vị y kinh mà tạo luận, có vị giải thích những nghi vấn cho người, có vị ngợi khen pháp môn này như lương dực Già-đà. Trên phương tiện dù chẳng ai giống ai, nhưng họ cùng về Cực lạc, cùng nêu bày thấy biết của mình. Các vị ấy cùng nỗ lực viết nghiên lách, nguyên cứu tìm tòi đưa ra những nghi ngờ

hay nhất. Nay tôi gom hết những mối nghi ngờ ấy liệt vào ba mối nghi ngờ dưới đây. Văn nghĩa cũng xuất phát từ Chỉ Quán của Thiên Thai, chứ tôi nào dám tự nói theo thấy biết của mình.

1. Nghi thầy của mình: Có hai loại thầy, đó là những vị thầy theo tà ma ngoại đạo, mê hoặc người ta, không phải là những vị mà ta tôn thờ. Hai là những vị thầy sống đúng Chánh pháp, lại có nhân quả của Phạm Thánh. Phạm phu và những kẻ còn trong nhân vị đầu thế thối suốt hết. Như ngài Thanh Biện nói: Nay Đức Di-lặc chưa phải là bậc Chánh Biến Tri, nên đợi đến Hội Long Hoa mới hỏi việc này được, chính là thế. Nay nêu bày cảnh giới Tây phương để mọi người cùng hồi hướng. Chỉ có quả Phật là Thầy của muôn Thánh, thế nên Đức Thích-ca Như Lai cùng chư Phật khắp mười phương bày tướng lưỡi rộng dài nói những lời chân thật, ngợi khen cõi ấy, khuyên chúng sinh phát nguyện cầu sinh. Như vậy ta còn nghi ngờ gì nữa.

2. Nghi pháp: Pháp Phật có hai, đó là pháp Bất liễu nghĩa của Tiểu thừa và pháp Liễu nghĩa của Đại thừa. Trong pháp Đại thừa lại có Liễu nghĩa và Bất liễu nghĩa. Tịnh độ mà nay bàn đến chính là pháp liễu nghĩa trong những pháp liễu nghĩa của Đại thừa. Hơn nữa toàn bộ kinh luận của Tiểu thừa chưa từng có một chữ nào tán thán và khuyên chúng sinh cầu sinh về tha phương Tịnh độ. Thế nên ngài Thiên Thân nói: “Người nữ, kẻ thiếu căn, Nhị thừa chẳng được sinh.” Đó đủ chứng minh nhận định trên.

Hỏi: Các kinh như Di-đà v.v... đều nói: Cõi ấy có hàng đệ tử là Thanh văn; lại như kinh Cổ Âm Vương cũng nói: Mẹ của Phật tên là Thù Thắng Diệu Nhan. Như vậy Nhị thừa, người nữ đâu phải không có?

Đáp: Mẹ của Phật ở đây e rằng chỉ do lúc Phật mới giáng sinh. Đến lúc Ngài thành Đẳng Chánh Giác rồi, thì cõi nước cũng theo đó mà thanh tịnh, nên tất không có người nữ. Và người mẹ ấy đã chuyển thân nam, giống như Long nữ chẳng hạn. Hoặc lại mạng chung, giống như mẹ của Tất-đạt chẳng hạn. Có người khi tạo Luận, dẫn dắt phần kinh văn này và cho rằng cõi Cực lạc có người nữ là hoàn toàn không đúng. Còn Thanh văn thì Quán kinh sơ và Thập Nghi luận đều có đề cập đến.

Đại thừa cũng có ba loại:

1. Thông giáo của Tam thừa: Tuy nó thuộc Đại thừa, nhưng ở đây lại có cả Nhị thừa. Hàng Bồ-tát này tuy cũng có giáo hoá chúng sinh, làm thanh tịnh cõi nước chư Phật, nhưng giáo hoá xong lại trở về với sự tịch diệt như Nhị thừa. Diệu lý sâu xa của Tịnh độ, họ chẳng hề biết,

nên đây không phải là pháp liễu nghĩa.

2. Biệt giáo của Đại thừa: Đây là pháp chỉ dành riêng cho Bồ-tát của Đại thừa. Tuy họ cũng nói về Lý của thật tướng, sau khi hành đạo cũng có chứng đắc nhưng nhân quả thì chẳng dung hợp. Đối với Tịnh độ thì ngoài lý mà tu tập thành tựu, vạn pháp chẳng phải do tâm có đủ. Dù cũng trải qua nhiều kiếp tu tập, dạo chơi khắp cõi nước chư Phật, nhưng khi nói về nhân quả của Tịnh độ ấy thì đó chỉ là phương tiện nằm ngoài thể. Đây cũng chưa là pháp liễu nghĩa.

3. Viên giáo của Phật thừa: Diệu lý mà Giáo này tuyên thuyết đều viên dung, nhân quả liền có đủ. Diệu nghĩa của Phật pháp đều do Giáo này chuyển tải mà chẳng hề đứt đoạn.

Kinh chép: Xét kỹ khắp mười phương, không có thừa nào khác, duy chỉ một Phật thừa. Chính là đây vậy, như pháp này là pháp Đại thừa trong Đại thừa, Liễu nghĩa của liễu nghĩa. Tịnh uế của mười phương đều nằm gọn trong sát-na, một niệm sắc tâm bao trùm khắp pháp giới, đều có sẵn trong tánh Thiên chân chứ không phải do duyên khởi mới bắt đầu hình thành. Một niệm đã như vậy thì một trần cũng như thế. Thế nên:

*Tất cả cõi trong mỗi mỗi trần
Tất cả tâm trong mỗi mỗi tâm
Hết thấy tâm trần cùng dung hợp
Trùng trùng vô tận không chướng ngại
Đồng thời đốn hiện chẳng ẩn hiển
Hết thấy viên thành không hơn thua
Như minh châu châu tóm muôn châu
Như Đế võng ngồi ngồi trâu chiếu.*

Tâm của ta đã vậy, thì thể của Phật và chúng sinh cũng đều bình đẳng. Như vậy thì mới hay chu du trong ức cõi, nhưng kỳ thật lại vắng sinh trong tự tâm của chính mình. Thác thai trong chín phẩm, lẽ đâu lại còn khoảng cách trong một sát na. Nếu sự lý chưa dung hợp, tịnh uế còn cách ngại, thì làm sao khiến cho phạm phu, ngũ nghịch, thập ác chỉ thành tựu mười niệm mà liền lên thẳng Lạc bang, Hiền Thánh của Nhị thừa chỉ cần hồi tâm liền đến ngay ao báu! Tin viên lý Phật thừa này thì muôn sự thấy vô ngại, mê diệu lý này thì muôn sự thấy đều mê. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói:

*Tâm như người thợ vẽ
Tạo vô số ngũ ấm
Muôn vật trong thế gian*

Đều do tâm tạo tác.

Tạo tác này có hai loại:

1. Lý vốn có đủ, nên gọi là tạo tác. Y báo-Chánh báo của mười pháp giới đều hiện đủ cả ngay trong một niệm.
2. Chuyển biến phát khởi, nên gọi là tạo tác. Vạn vật đều từ lý mà duyên khởi ra, không có việc gì mà chẳng từ lý.

*Giữa tâm, Phật cũng vậy
Phật, chúng sinh cũng thế
Tâm, Phật và chúng sinh
Ba nhưng không sai biệt.*

Từ thật lý “ba nhưng không sai biệt” này mà con đường cảm ứng mới gặp nhau, mới thành tựu Từ bi và thệ nguyện nhiếp thủ với nhau, vạn vật biến chuyển riêng biệt, cùng nhau biến chuyển thì nhân quả mới hình thành. Nếu chỉ mới biết nhất lý vốn không sai biệt, mà không hiểu các pháp cùng có đủ, thì chưa thấu triệt được diệu chỉ của viên giáo.

Lại nữa, Khởi Tín luận nói rằng: pháp mà nay nói đến chính là tâm của chúng sinh. Tâm này thu tóm tất cả pháp của thế gian và xuất thế gian. Nương nơi tâm này mà hiển bày nghĩa của Đại thừa. (Tâm phàm phu này thu tóm sáu cõi Phàm và bốn cõi Thánh. Thu tóm cũng có hai loại. Lý cụ và sự tạo. Thân, độ, tịnh, uế trong mười pháp giới, có pháp nào mà chẳng ở trong tâm này. Ma-ha-diễn tức là Đại thừa. Nếu chẳng phải tâm này thì làm sao chuyên chở hết).

Kinh Thập lục Quán cũng nói: Chư Phật Như Lai là pháp giới thân. Thân ấy lưu nhập trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh. Nhấn đến tâm này làm Phật, tâm này là Phật.

Lại nữa kinh Ban-chu Tam-muội nói: Phật là tâm của ta, Tâm của ta thấy Phật thì tâm của ta làm Phật v.v...

Nói đến diệu chỉ này, thì kinh điển Đại thừa có kinh nào mà chẳng diễn thuyết đến. Như kinh Pháp Hoa, Như Lai đích thân thọ ký cho đệ tử vãng sinh. Như Hoa Nghiêm là kinh thuộc Đốn giáo, mà Phổ Hiền còn kính cẩn phát tâm hồi hướng. Thế đủ biết rằng, trong nhân địa tu hành, Đức Phật Di-đà do quán lý này mà phát đại thệ nguyện nhiếp thủ tất cả chúng sinh. Đức Thích-ca thành đạo, dùng tướng lưỡi rộng dài hết lời ngợi khen lý này. Tất cả chư Phật khắp mười phương ba đời cũng thấy đều như vậy.

Hỏi: Như trên đã nói, diệu lý này vô cùng viên đốn, mọi người cần phải quán sát thực hành thì mới được vãng sinh phải không?

Đáp: Nói như vậy là không đúng. Nay chỉ giải đáp thẳng nghi tình để mọi người biết rằng, trăm thứ báu trang nghiêm, nhân quả của chín phẩm trong Tịnh độ đều ở trong tâm vi tế của chúng sinh. Lý tánh vốn sẵn đủ, thì mới có sự dụng vãng sinh của ngày hôm nay, tùy theo sở nguyện mà nó tự nhiên như vậy. Thế nên chu du khắp mười phương mà chẳng lia niệm này, tới lui khắp pháp giới nhưng khế hợp với duy tâm. Những kẻ thường tình chưa tin thì chấp cõi này phủ nhận cõi kia. Do đó tướng hạnh nguyện của họ thuộc về môn sau mà không phải nằm trong câu hỏi này. Huống gì sinh tướng của chín phẩm đều có hành tướng riêng biệt. Ba phẩm thuộc bậc Thượng cần phải hiểu phải hành trì. Thế nên kinh văn mới nói: “Ông tu tập Đại thừa, thấu hiểu Đệ nhất nghĩa.” Chính là người này.

Nếu người học ngày nay thấy người khác tài giỏi, mình cũng mong muốn làm sao cho ngang bằng như họ, mong muốn được lên thẳng đài vàng, chỉ còn cách chuyên tâm vào Diệu quán. Còn như những người thuộc trung căn hạ căn, thì tác nhân để được vãng sinh trong sáu phẩm ấy, chỉ là chuyên giữ giới cấm, làm những việc nhân nghĩa cho đời. Đến như hạ phẩm hạ sinh, thì những người này vốn tạo tội nghịch ác, do thành tựu được mười niệm mà liền được sinh về cõi nước ấy. Họ chỉ cần biết có Tịnh độ, rồi làm sao dốc chí mà hồi tâm. Nếu không có hành tướng sai biệt như vậy, thì chín phẩm Tịnh độ làm sao dung chứa hết chúng sinh có muôn ngàn biệt nghiệp như thế. (Giả sử thế gian chỉ cho rằng Tịnh độ diễn thuyết giáo nghĩa Đại thừa, mà họ không có khả năng phân biệt rõ ràng như trên, chỉ thấy biết một cách hồ đồ, hỗn tạp, thì không đủ để quyết nghi).

3. Nghi chính mình.

Hỏi: Tôi là hàng Bát địa phàm phu bị nhiễm duyên thế gian trói buộc, thế sao bảo rằng thân này được vãng sinh về các cõi Tịnh độ, vào biển Hiền Thánh, cùng vào Chánh định tụ được?

Đáp: Nếu ông thấu hiểu được pháp tánh rộng rang vừa nói ở trên, cùng bản nguyện nhiếp thọ chúng sinh của Phật Di-đà, chỉ cần ông chuyên tâm làm phước thiện, thì cần gì phải hỏi được vãng sinh hay không. Huống gì người nào thành tựu được mười niệm thì liền được vãng sinh, chỉ trừ những kẻ tạo ngũ nghịch thập ác và kẻ hủy báng Chánh pháp mà thôi. Lại nữa nếu ông định tâm trong mười niệm, thì dù phạm tội nghịch ác hay hủy báng chánh pháp cũng đều được vãng sinh. Nay ông lại có may mắn không tạo những tội ác ấy mà lại phát nguyện chân chánh, chí cầu vãng sinh thì còn nghi ngờ gì nữa.

Môn thứ hai: CHÁNH TU HẠNH NGUYỆN

- Khai triển sơ lược thành bốn môn sau:

1. Lễ bái sám hối.
2. Thành tựu mười niệm.
3. Buộc duyên vào Phật và Tịnh độ.
4. Làm những phước thiện khác.

Sở dĩ khai triển thành bốn môn là vì người tu hành nghiêm túc phải đầy đủ bốn môn như vậy. Vì sao? Bởi vì trước tiên lạy Phật sám hối để tẩy trừ nghiệp chướng khiến cho thân tâm sáng sủa. Cho nên môn thứ nhất này giống như làm cho đám ruộng tốt sạch cỏ.

Kế đến tu tập mười niệm, hành giả phải định tâm thì mới thành tựu, cần phải lập nguyện và kỳ hạn cho mình, gieo trồng chánh nhân vắng sinh. Cho nên môn thứ hai này giống như gieo giống vào ruộng.

Tiếp đến cần phải buộc tâm mình lại không cho bám víu theo nhiễm duyên, trưởng dưỡng thủ hộ tâm mình khiến nó nảy mầm sinh cây. Cho nên môn thứ ba này giống như tưới nước vào làm đất ẩm ướt.

Cuối cùng làm những việc phước thiện khác nhằm trợ giúp cho nó ngày thêm sum suê, mau đơm hoa kết trái. Thế nên môn thứ tư này giống như tưới thêm nước vào để đất càng thêm màu mỡ.

Thế đủ biết hành giả tu đầy đủ bốn phương pháp trên thì đây là cách tu tập thù thắng nhất, vượt trội nhất. Hành tướng tu tập tuy nói như vậy, nhưng nếu người nào không đủ thời gian thì có thể tu theo một trong ba cách đầu, cũng đều được vắng sinh về Cực lạc. Bởi vì trong bốn môn ấy, mỗi môn đều có hạnh nguyện, đều có chánh nhân để vắng sinh.

Hành giả cũng có thể tu pháp lễ sám này trong sáu ngày trai giới. Trong mỗi ngày lại tu pháp thập niệm, vì pháp thập niệm này là cái nhân Tịnh độ rất cần thiết, quyết không thể bỏ được. Còn hai môn sau tùy khả năng của mình mà tu tập. Nếu không làm được như vậy, thì trọn ngày chỉ chạy theo ham muốn, phóng túng ba nghiệp mà thôi.

1. Lễ Phật sám hối.

Vào lúc sáng sớm mỗi ngày, ở trong đạo tràng thường cúng dường, chỉnh đốn y phục, nghiêm trang kính cẩn, đối trước chư Phật, tự tay đốt hương, định tâm chắp tay mà xưng thể này:

*Nguyện khởi hương thơm này
Xông đầy mười phương cõi
Trong vô biên cõi Phật*

*Vô lượng hương trang nghiêm
 Đây đủ đạo Bồ-tát
 Thành tựu hương Như Lai.*

Xướng xong định tâm trong giây lát, quán tưởng dùng hương thơm này cúng dường Tam bảo, xông khắp chúng sinh, làm cho tất cả chúng sinh cùng sinh về Cực lạc. Quán tưởng xong, đặt lò hương xuống, lạy một lạy, lạy xong đứng dậy, chấp tay cúi mình khẩn thiết, quán tưởng mình đang đối trước Phật Di-đà cùng tất cả chư Phật mà ngợi khen thế này:

*Sắc thân Như Lai đẹp
 Thế gian chẳng ai bằng
 Không sánh không nghĩ bàn
 Nên nay con đánh lễ
 Sắc Như Lai vô tận
 Trí tuệ cũng như thế
 Tất cả pháp thường trụ
 Nên nay con đánh lễ.
 Trí lớn sức nguyện lớn
 Độ khắp cả quần sinh
 Khiến bỏ thân nóng bức
 Về cõi Phật an lành.
 Ba nghiệp con nay tịnh
 Quy y, lạy, ngợi khen
 Nguyện cùng khắp chúng sinh
 Đồng sinh về Cực lạc.*

Ngợi khen và phát nguyện xong, thì liền lễ Phật. Trong mỗi một lạy phải chú tâm đối trước Phật và tưởng như vậy. Xướng tiếp:

Nhất tâm đánh lễ Thường Tịch Quang Tịnh độ, A-di-đà Như Lai, Thanh tịnh diệu Pháp thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đánh lễ Thật Báo Trang Nghiêm độ, A-di-đà Như Lai, vi trần tướng hải thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đánh lễ Phương tiện Thánh cư độ A-di-đà Như Lai, giải thoát tướng nghiêm thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đánh lễ Tây phương An lạc độ, A-di-đà Như Lai, Đại thừa căn giới thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đánh lễ Tây phương An lạc độ, A-di-đà Như Lai, thập phương hóa vãng thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đánh lễ Tây phương An lạc độ, Giáo hạnh lý tam kinh,

Cực y Chánh tuyên dương, biến pháp giới Tôn pháp.

Đại sư Linh Phong chú rằng: Cách lạy này trong bản cũ không có. Nay theo Đại sư U Khê mà thêm vào, để cho đầy đủ Tam bảo.

Nhất tâm đánh lễ Tây phương An lạc độ, Quán Thế Âm Bồ-tát, vạn ức Tử Kim thân, biến pháp giới Bồ-tát ma ha tát.

Nhất tâm đánh lễ Tây phương An lạc độ, Đại Thế Chí Bồ-tát, vô biên quang trí thân, biến pháp giới Bồ-tát ma-ha-tát.

Nhất tâm đánh lễ Tây phương An lạc độ, thanh tịnh đại hải chúng, mãn phần nhị nghiêm thân, biến pháp giới Thánh chúng.

(Lạy xong, quỳ xuống, tay cầm lò hương, đốt hương, chí thành mà xướng như vậy:)

Con nay khắp vì bốn ân ba cõi, pháp giới chúng sinh, nguyện đoạn trừ hết thủy ba chướng, quy mạng sám hối. (Lại một lạy, quỳ xuống, tay cầm lò hương mà xướng thế này):

Chí tâm sám hối: Đệ tử chúng con cùng pháp giới chúng sinh, từ vô thủy đến nay bị vô minh che lấp nên điên đảo mê lầm. Lại do sáu căn ba nghiệp tác tạo những pháp bất thiện. Tạo đủ mười ác nghiệp, cùng năm tội vô gián, tất cả tội nghiệp vô lượng vô biên, không thể kể hết. Chư Phật mười phương thường ở trong đời, nói pháp không dứt, hương mầu xông khắp diệu pháp tràn đầy cả hư không, phóng quang sáng sạch chiếu khắp chúng sinh, diệu lý thường trụ, phủ đầy hư không. Con từ vô thủy cho đến ngày nay, sáu căn che mù, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy chẳng nghe, chẳng hay chẳng biết. Do nhân duyên đó, cho nên trôi mãi trong vòng sinh tử, trải qua ác đạo trăm ngàn vạn kiếp, chưa biết ngày nào, mới mong thoát khỏi. Trong kinh chép rằng: Tỳ-lô-giá-na ở khắp mọi nơi, chỗ của Phật ở là Thường Tịch Quang. Nên phải biết rằng, tất cả các pháp đều là Phật Pháp, con lại chẳng biết, theo vô minh. Vì thế cho nên, trong tánh Bồ-đề, thấy không thanh tịnh, ở trong giải thoát lại khởi trói buộc.

Ngày nay tổ ngộ, chừa bỏ ăn năn, con xin đối trước chư Phật Như Lai, Di-đà Thế Tôn phát lồ sám hối. Ngưỡng mong chư Phật, khiến cho con cùng khắp pháp giới chúng sinh, tất cả tội nặng do ba nghiệp sáu căn vốn đã tạo tác từ vô thủy kiếp, hoặc đang tạo tác, hoặc sẽ tạo tác, tự mình tạo tác, dạy người tạo tác, thấy họ tạo tác sinh tâm tùy hỷ, dù nhớ hay quên, dù biết không biết, dù nghi chẳng nghi, dù tội che giấu hay đã phát lộ, những tội nặng ấy thấy đều thanh tịnh.

Con sám hối rồi sáu căn ba nghiệp thấy đều thanh tịnh chẳng còn lỗi lầm, căn lành đã tu cũng đều thanh tịnh. Nguyện đem tất cả công

đức hồi hương, trang nghiêm Tịnh độ, cùng khắp chúng sinh đồng sinh An dưỡng. (xá).

Nguyện Phật Di-đà thường đến hộ trì, khiến cho căn lành của chúng con đây, hiện tiền tăng trưởng, chẳng bao giờ mất nhân duyên Tịnh độ. Đến lúc lâm chung, thân tâm thấy đều ở trong Chánh niệm, thấy nghe rõ ràng, gặp được Di-đà, cùng chư Thánh chúng, tay cầm đài hoa, tiếp dẫn chúng con. Chỉ trong sát na, sinh ở trước Phật, đủ đạo Bồ-đề, độ khắp chúng sinh, đồng thành Phật đạo.

(Ba lần, nếu không có thời gian hoặc công việc bức bách, thì đọc một lần cũng được. Đọc xong đứng dạy xướng):

Sám hối và phát nguyện rồi, chúng con xin quy mạng, lễ A-di-đà cùng tất cả Tam bảo. (Lạy một lạy. Kế đến là đi nhiều Phật. Có thể đi ba vòng, bảy vòng hoặc nhiều vòng hơn nữa. Khi đi phải xưng niệm như vậy):

Nam-mô A-di-đà Phật.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát.

Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.

Nam-mô Thanh tịnh đại hải chúng Bồ-tát ma-ha-tát.

Nhiều quanh ba vòng, bảy vòng hay nhiều hơn nữa, tùy ý mình muốn nhiều bao nhiêu vòng cũng được. Khi đi cần phải xưng niệm đúng như vậy. Đi nhiều xong, đến trước Phật xướng lạy tam tự quy:

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sinh.

Thế giải đại đạo, phát vô lượng tâm

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh.

Thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải.

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh.

Thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

Hòa Nam Thánh Chúng.

Kế đến ngồi riêng một nơi nào đó trong Đạo tràng mà tụng kinh (có thể tụng kinh Di-đà, hoặc kinh Thập lục quán thì nên nhất tâm niệm Phật Di-đà. Cứ lường thời gian dài hay ngắn mà dừng. Hoặc có thể hồi hương rồi kết thúc khóa lễ cũng được).

2. Thực hành mười niệm.

Mỗi ngày, vào lúc sáng sớm, sau khi chỉnh đốn y phục xong, hành giả ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng Tây, chắp tay, liên tục niệm Phật Di-đà. Cứ hết một hơi thở là một niệm. Như vậy đủ mười hơi thở là mười niệm. Tùy theo hơi thở dài ngắn chứ không hạn định danh hiệu Phật là bao nhiêu lần. Cứ lấy một hơi thở dài nhất lâu nhất là một lần.

Khi niệm Phật không được niệm quá lớn hoặc quá nhỏ, cũng không được quá chậm hay quá mau, do đó hành giả cần điều chỉnh sao cho hợp lý.

Cứ niệm liên tục trong mười hơi thở như vậy, đừng để gián đoạn. Điều quan trọng là đừng để tâm tán loạn, phải chuyên chú chí tâm mà hành trì. Sở dĩ gọi là mười niệm, bởi vì dùng hơi thở để buộc tâm. Niệm đủ mười niệm xong, phát nguyện hồi hướng như vậy:

Đệ tử con nay tên... nhất tâm quy mạng Đức Phật Di-đà ở cõi Cực lạc, nguyện Phật thường dùng quang minh thanh tịnh chiếu đến thân con. Thệ nguyện Từ bi, nhiếp thọ thân con. Nay con Chánh niệm xưng danh hiệu Phật. Trong mười niệm ấy, vì đạo Bồ-đề cầu về Tịnh độ. Xưa Phật thệ rằng, nếu chúng sinh nào muốn sinh nước ta, chí tâm tin ưa, niệm đủ mười niệm, nếu chẳng được sinh thì ta nguyện rằng, chẳng thành Chánh giác, chỉ trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp. Nay con tự nghĩ, con từ xưa nay, chẳng tạo tội nghịch, chẳng chê Đại thừa, nguyện mười niệm này, được vào trong biển đại thệ Như Lai. Nhờ oai lực Phật, mọi tội tiêu diệt, nhân duyên Tịnh độ, ngày càng tăng trưởng. Đến lúc mạng chung, tự biết giờ chết, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, cũng chẳng tán loạn, như vào Thiền định. Phật cùng Thánh chúng tay cầm đài vàng, đến nghinh tiếp con. Chỉ trong một niệm liền được sinh về thế giới Cực lạc. Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, mở toang tuệ Phật, độ khắp chúng sinh, thành tựu viên mãn hạnh nguyện Bồ-đề.

(Phát nguyện như vậy xong thì nghỉ, khởi phải lạy Phật. Điều quan trọng là thực hành cả một đời, đừng ngày nào bỏ sót. Nếu cứ tu tập như vậy thì chắc chắn được vãng sinh Tịnh độ).

3. Buộc duyên vào Phật và Tịnh độ.

Phàm khi làm việc công hay những việc lo toan cho cuộc sống, dù phải lãng xãng làm bao nhiêu công việc nhưng hành giả cần phải chú tâm không quên Phật, thường nhớ nghĩ đến Tịnh độ. Thí như người đời để tâm vào việc thật cần thiết, trọng đại, thì dù họ cũng nói năng, đi đứng, nằm ngồi, cùng làm bao công việc khác, nhưng chẳng hề ngăn ngại đến điều mà họ cầu mang trong lòng, việc quan trọng đó vẫn y nguyện như vậy. Tâm niệm Phật cũng phải như vậy. Nếu lỡ quên thì phải thường thường nhiếp phục mà nhớ trở lại. Cứ thế lâu ngày sẽ quen dần, đến một lúc nào đó thì tự nhiên ta chẳng còn quên nữa.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Ví như có hai người, một người chuyên nhớ (dụ cho Phật thường nhớ nghĩ chúng sinh), một người chuyên quên

(dụ cho chúng sinh chẳng nhớ Phật), thì hai người ấy dù có gặp nhau cũng như không gặp, dù có thấy nhau cũng như chẳng thấy. Hai người cùng nhớ, thì nỗi nhớ in sâu. Cứ thế từ đời này, cho đến đời sau, như bóng theo hình chẳng hề xa cách. Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn chạy, thì dù nhớ nghĩ chẳng có ích gì. Nếu con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thì dù mẹ con trải qua nhiều đời vẫn không xa cách. Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Chẳng nhờ phương tiện, mà tự khai mở bản tâm của mình. Như người xông hương thân có mùi thơm.”

Cứ thế mà buộc tâm, thường mặc tình ngăn chặn tất cả niệm ác. Giả sử ta muốn làm ác, nhưng do nhân duyên nghĩ nhớ đến Phật nên việc ác ấy không thể nào thành tựu được. Giả sử ngay trong lúc chạy theo kẻ ác làm các việc ác, nhưng tâm vẫn thường nhu nhuyễn hơn. Như thân có mùi thơm, thì tự nhiên lia được hôi thối.

Lại nữa khi biết tâm phát khởi chút niệm ác, thì phải nghĩ nhớ đến Phật ngay, do nhờ oai lực của Phật, nên niệm ác ấy liền tự dứt. Như người gặp nạn giữa dòng, nếu được người bên kia bờ kéo lên, thì ắt thoát nạn.

Lại nữa, nếu trong lúc thấy người khác bị khổ, dùng tâm niệm Phật này mà thương xót họ, mong họ lia khổ. Nếu trong lúc thi hành mệnh lệnh để hành hình kẻ khác, nên dùng tâm niệm Phật này mà thương xót tội nhân. Dù thi hành phép vua, nhưng phải thâm nguyện rằng, tôi nay thi hành theo phép vua, nhưng đó chẳng phải là tôi mong muốn, nguyện cho tội nhân được sinh về Tịnh độ, thể cứu giúp họ.

Khi gặp phải hoàn cảnh dù thiện hay ác, nhưng do tâm của ta nhớ nghĩ đến Phật, tùy theo tâm niệm mà phát nguyện. Thế nên Phổ Hiền Nguyện Vương nói: “Làm tất cả việc ác, thấy đều chẳng thành tựu. Nếu làm việc thiện thì đều thành ngay” là thế.

Cứ thế trong tâm liên tục niệm Phật, thì có thể thành tựu được tất cả công đức của nhân duyên Tịnh độ. Chỉ sợ dài dòng, nên tôi tạm bàn đến đây. Hay thay! Môn này lợi ích lớn lao nhất.

4. Làm những phước thiện khác.

Trong kinh Phổ Hiền Quán nói: Nếu quốc vương đại thần muốn sám hối những tội nặng, thì phải thực hành năm việc sau đây:

a. Cần phải chánh tâm không hủy báng Tam bảo, không ngăn cản người xuất gia, không làm hạnh xấu đối với người tu phạm hạnh (không được làm hạnh ô nhiễm đối với bốn chúng giữ gìn giới cấm).

b. Hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng.

c. Dùng chánh pháp mà cai trị muôn dân, không được dùng tà giáo lường gạt muôn dân.

d. Trong sáu ngày trai giới phải ra sắc lệnh cho quan quân trong đất nước không được sát sinh. (Nghiêm cấm mọi người bắt cá, còng răn dạy những kẻ háo thắng đánh nhau. Sáu ngày trai lần lượt như sau:

- Ngày mồng 8 sử giả của Tứ Thiên vương đi tuần ở nhân gian.
- Ngày 14 thái tử của Tứ Thiên vương đi tuần.
- Ngày 15 đích thân Tứ Thiên vương đi tuần.
- Ngày 23, 29 và 30 Thiên vương lại đi tuần.

Cứ lần lượt sáu ngày như vậy, hết tháng thì trở lại tháng khác. Nếu Tứ Thiên vương đích thân đi tuần, thì chư Thiên, Tinh tú, quỷ thần đồng thời tùy tùng theo. Nếu gặp những người tu phước trai giới, chư Thiên rất vui mừng, họ thường ban lộc tặng thọ cho người đó, thường giữ gìn phước nghiệp, khiến người đó thành tựu thiện nghiệp).

e. Phải tin sâu nhân quả, tin đạo Nhất Thật này, phải biết rằng Phật chẳng hề diệt độ.

Năm điều này đồng với ba phước lớn trong kinh Thập lục Quán chỉ khác nhau là kinh Phổ Hiền Quán nói cho vua quan, nên trích dẫn riêng ra đây. Đó cũng là chánh nhân Tịnh độ của ba đời chư Phật. Nếu bốn chúng xuất gia muốn thực hành đủ ba phước thiện trong kinh Quán, thì phải đọc kỹ phần kinh văn. Chỉ cần làm một phước thiện, nhưng ngay đó phải dùng tâm niệm hoặc phát thành lời, hay tác ý hồi hướng, thì mới thành tựu chánh nhân của Tịnh độ.

Với bốn pháp trên, hành giả cần phải chuyên trì tu tập mỗi ngày, thì mới có thể tự hện cho chính mình, quyết định sinh về Tịnh độ. Bốn hạnh ấy chính là Chánh nhân để vãng sinh, là phương pháp để thực hành niệm Phật Tam-muội. Kinh nói: Người thực hành Tam-muội này, ngay trong hiện đời được thấy Phật Di-đà và hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí. Nếu người nào chỉ nghe được danh hiệu Phật và danh hiệu của hai vị Bồ-tát đó, thì đã diệt trừ được tội trong vô lượng kiếp sinh tử, huống gì là người nghĩ nhớ xưng niệm. Còn nếu là người niệm Phật, thì chúng ta phải biết, người này chính là hoa Phân-đà-lợi trong cõi người. Quán Âm, Thế Chí là bạn hữu thù thắng của người đó. Người ấy ngồi trong Đạo tràng, sinh vào nhà Phật, ngay trong hiện đời được Phật Di-đà sai vô số hóa Phật, vô số hóa thân của Quán Thế Âm, của Đại Thế Chí và hai mươi lăm vị Bồ-tát thường trụ ở thế giới Ta-bà ủng hộ người đó cả ngày lẫn đêm. Dù đi, đứng, nằm, ngồi, dù bất cứ lúc nào, ở bất cứ

nơi đâu ác quỷ không thể nào làm hại người này được, không bao giờ phải chịu tất cả các thứ khổ nạn. Người này thường được quốc vương, đại thần, tất cả nhân dân cung kính. Bao nhiêu công đức dù chỉ trong một niệm, cũng đã không thể nào tính đếm hết được, không thể nào ngợi khen cùng tận, như Phật đã nói đến. Trừ khi người kia là kẻ bất tiểu (ngu si, tà kiến), chứ ngoài ra ai nghe mà chẳng tin ưa.

